CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Đức Trung

Ngày 30/09/2025	2,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**-3.8%**	**8.7%**

DT thuần
Q3/25
102
tỷ VNĐ
QoQ: ▼69.0| -40.1%
YoY: ▼60.0| -36.8%

LN thuần
Q3/25
0.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.11| -73.5%
YoY: ▼0.13| -76.6%

LN sau thuế
Q3/25
0.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.07| -70.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
4.3%
YoY: +/-▲ 2.0%

ROE (TTM)
Q3/25
0.2%
YoY: +/-▼ 0.0%

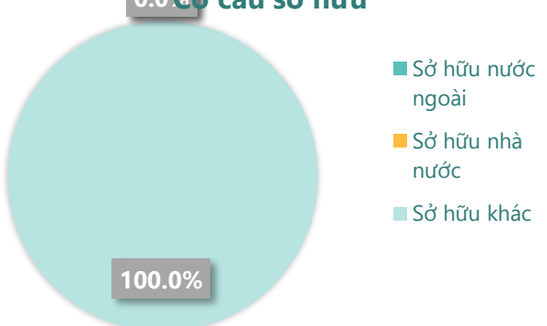
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,800 - 3,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	34
Số lượng CPLH (CP)	13,488,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	71,025
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.43
EPS	16
P/E	158.3

DT thuần
9T 2025
449
tỷ VNĐ
YoY: ▼23.0| -4.9%

LN thuần
9T 2025
0.25
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.08| -24.2%

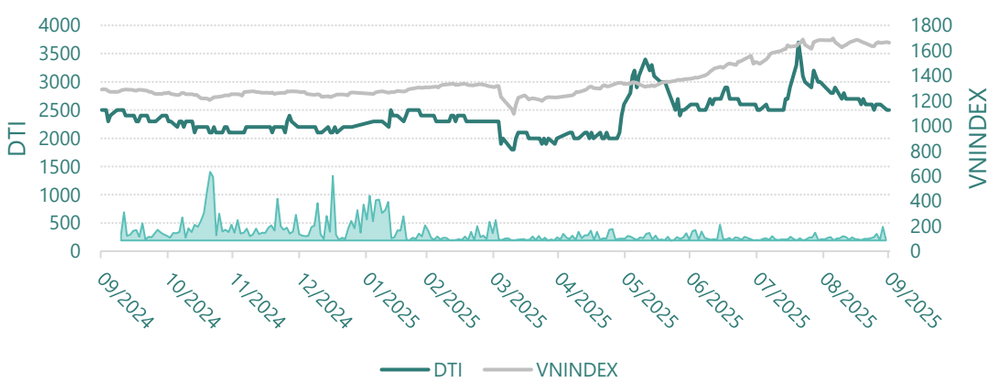
LN sau thuế
9T 2025
0.17
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.03| 27.6%

Cơ cấu sở hữu

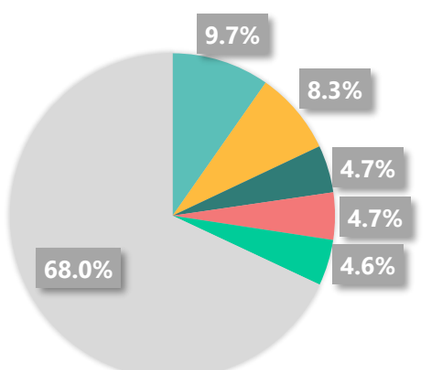


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

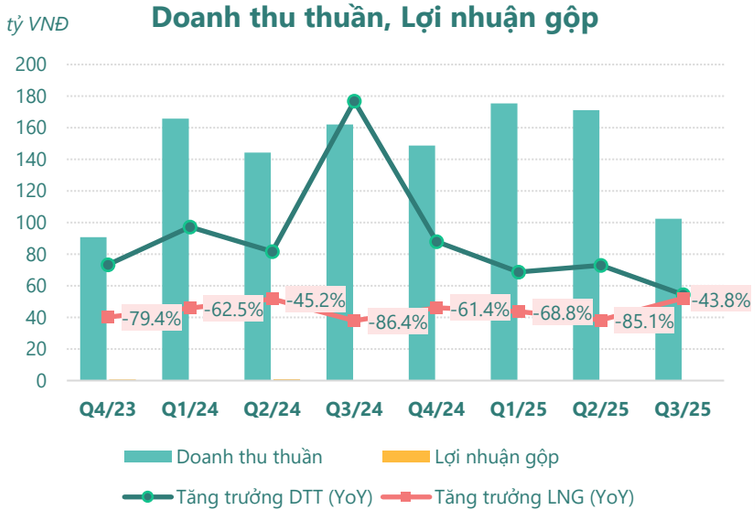


- La Mỹ Hoàng
- Trần Đăng Quân (Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Văn Minh
- Đoàn Thị Quỳnh Trang (Kế toán trưởng)
- Tạ Thị Dinh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

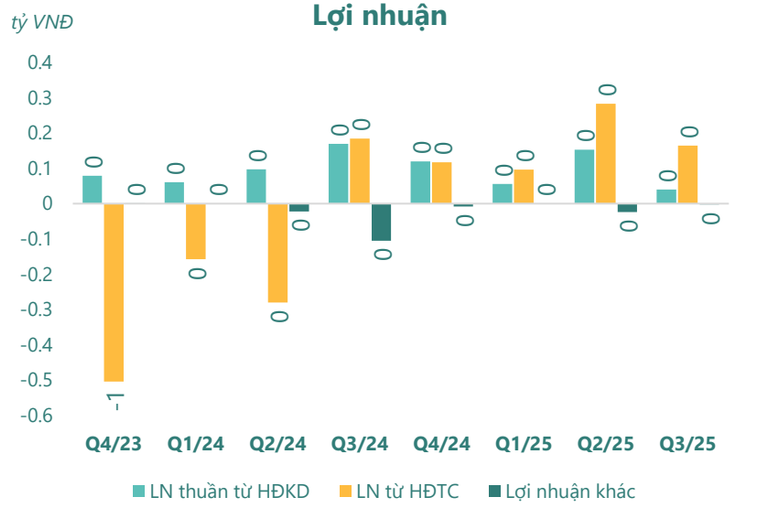
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



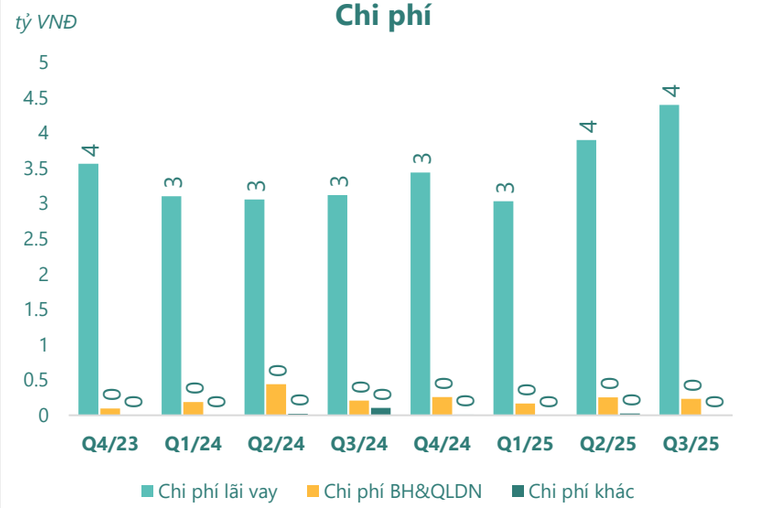
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



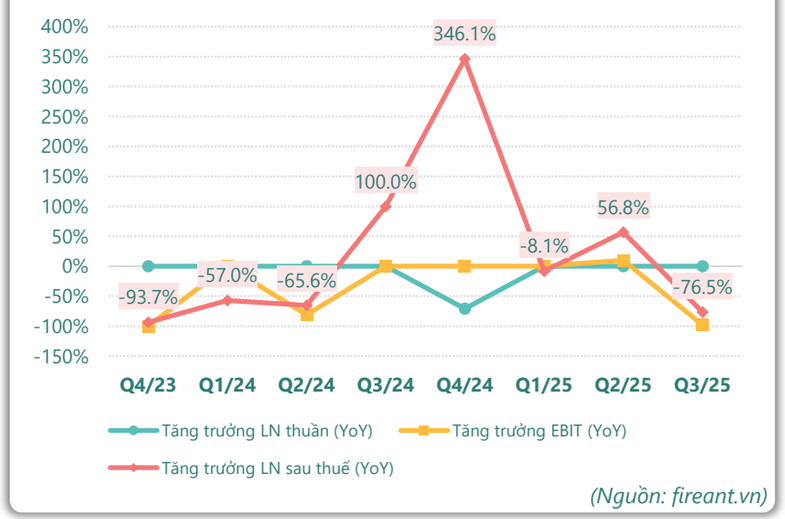
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



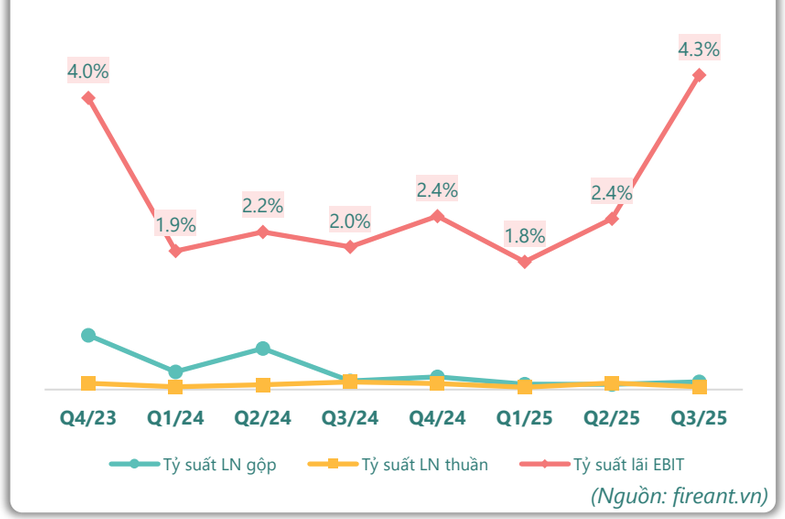
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



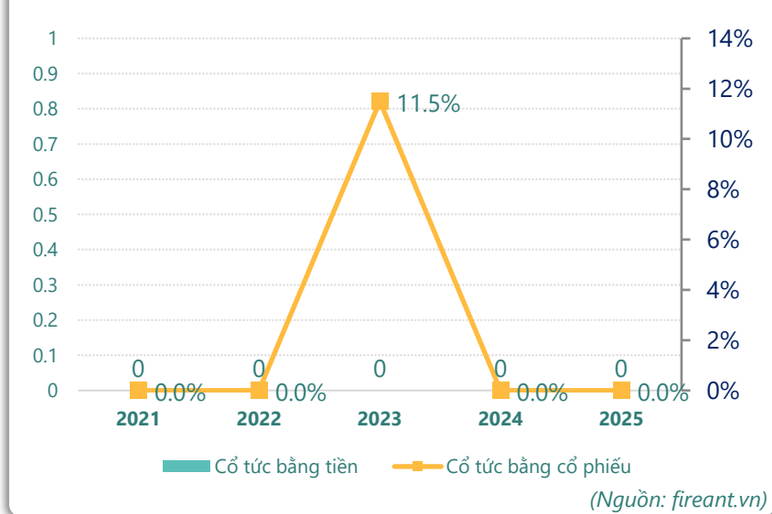
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

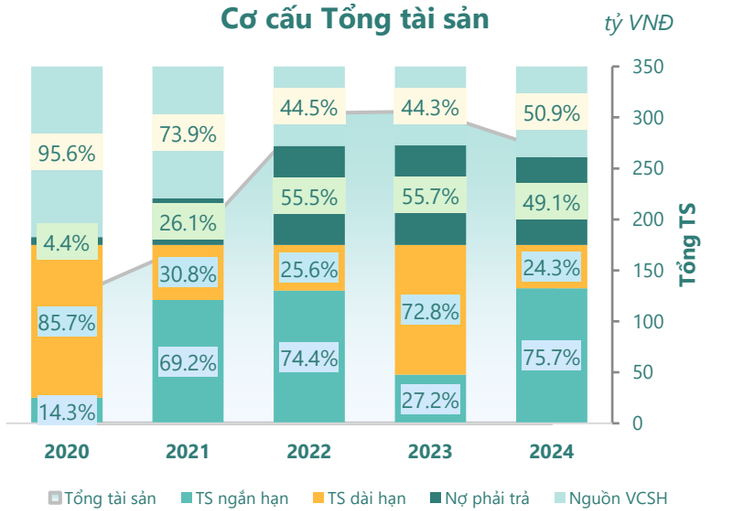
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

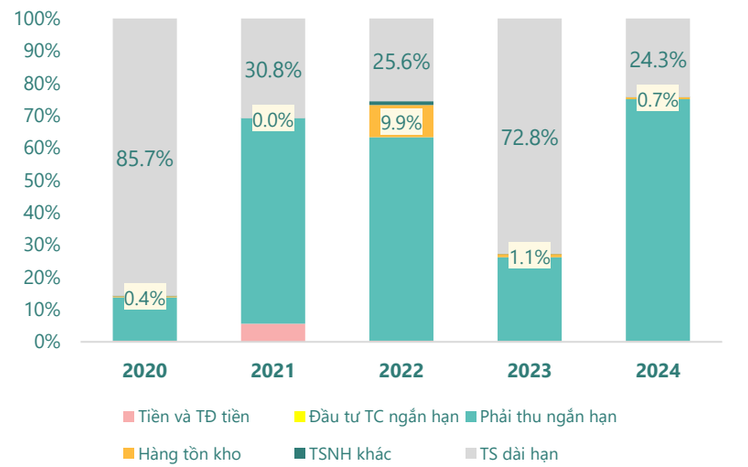
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



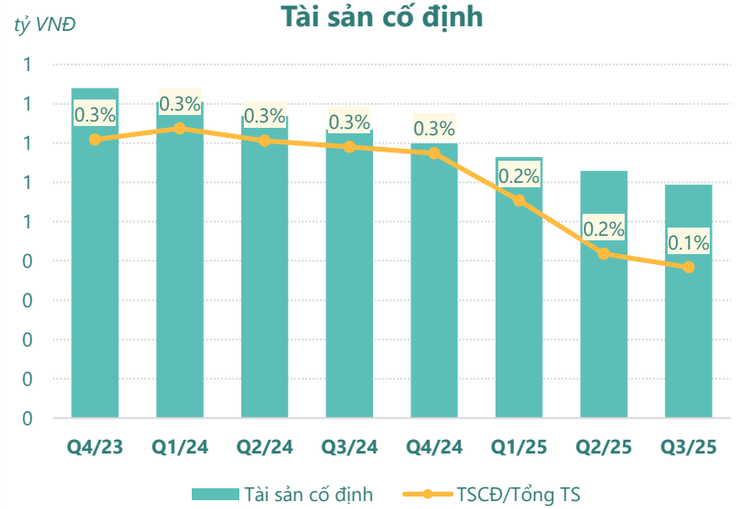
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



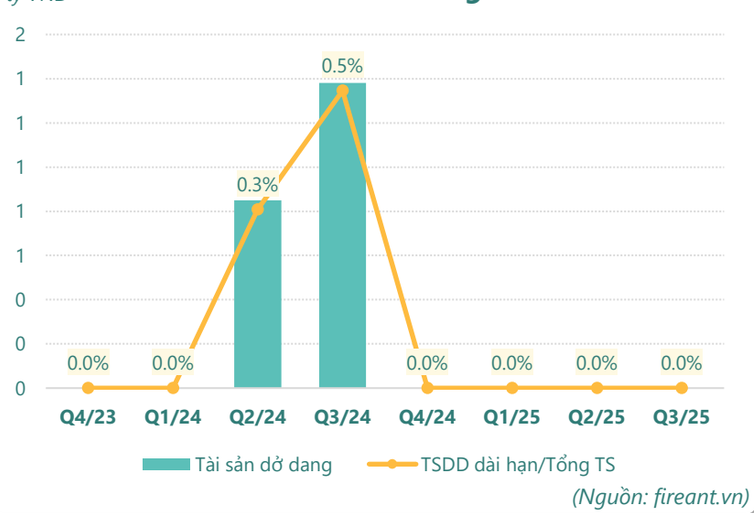
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



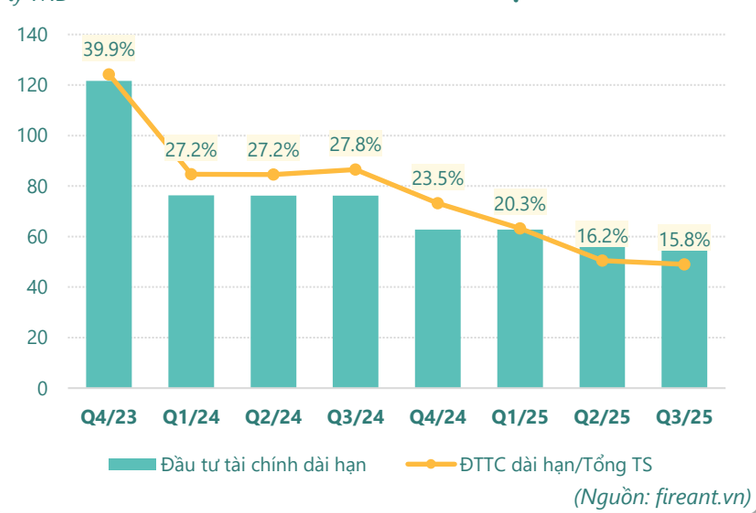
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



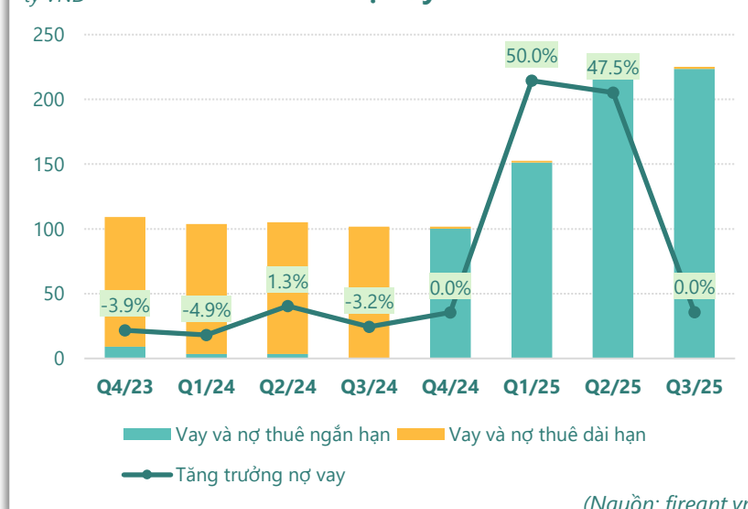
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

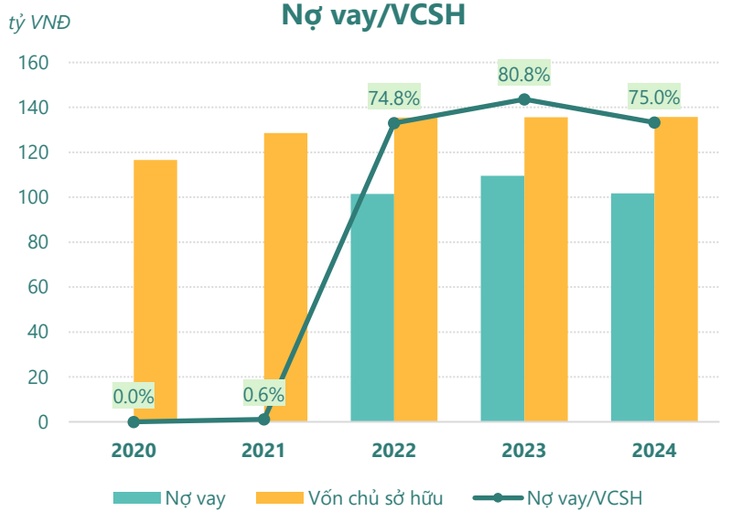
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

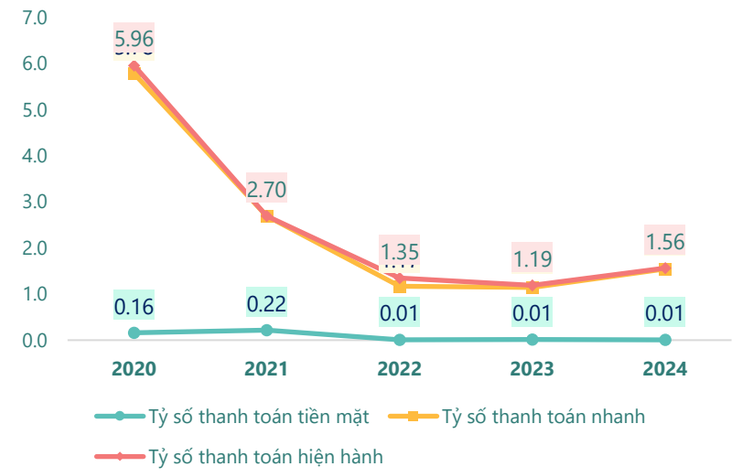
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



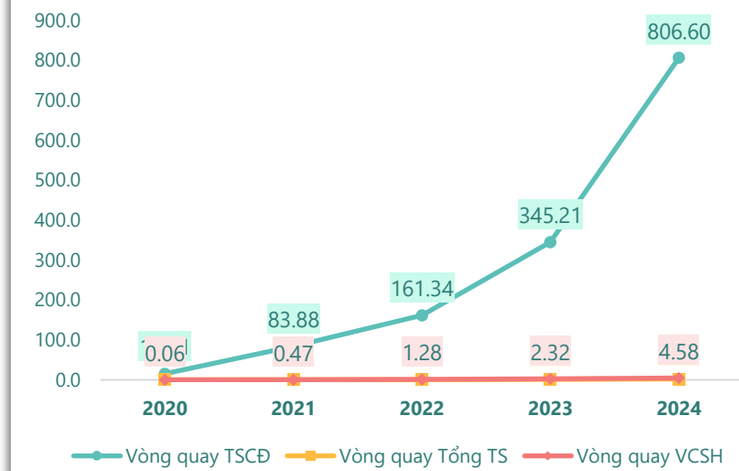
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



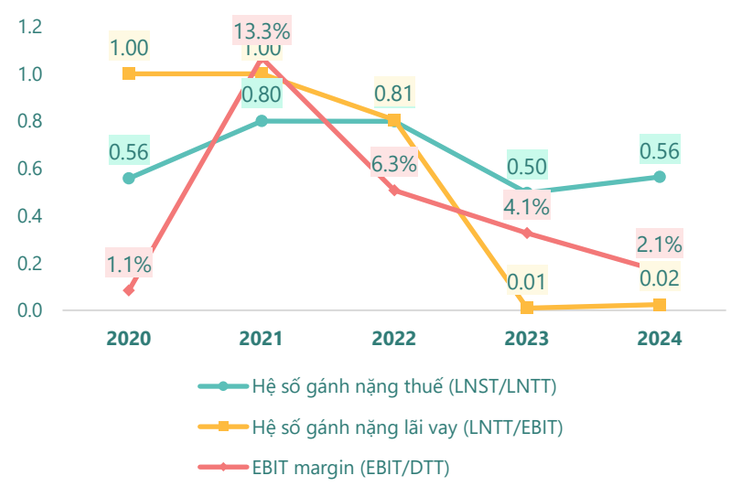
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



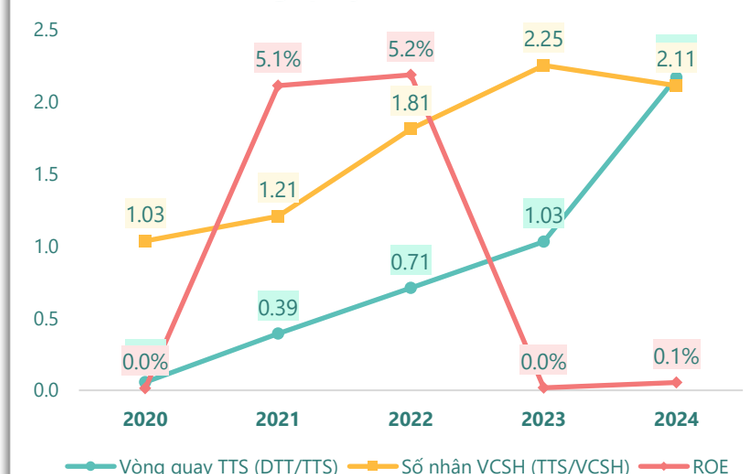
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



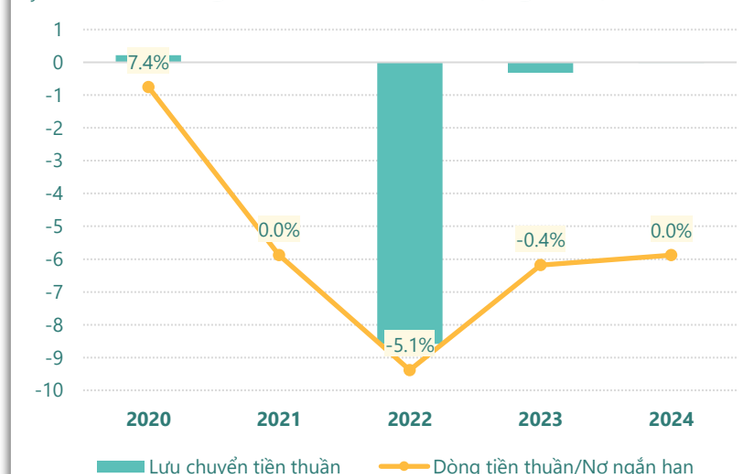
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**102**	**162**	**-36.8%**	**449**	**472**	**-4.9%**
Giá vốn hàng bán	102	162	-36.8%	449	471	-4.7%
Lợi nhuận gộp	0.11	0.19	-43.4%	0.36	1.42	-74.8%
Doanh thu HĐTC	4.61	3.55	30.0%	12.0	9.58	25.5%
Chi phí TC	4.45	3.37	32.0%	11.5	9.83	16.8%
Chi phí lãi vay	4.40	3.12	41.0%	11.3	9.28	22.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.23**	**0.21**	**10.4%**	**0.65**	**0.84**	**-22.0%**
LN thuần từ HĐKD	0.04	0.17	-76.6%	0.25	0.33	-24.2%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.10**	**98.0%**	**-0.03**	**-0.13**	**79.3%**
LN trước thuế	0.04	0.06	-37.1%	0.22	0.20	10.7%
Lợi nhuận sau thuế	**0.03**	**0.03**	**-0.8%**	**0.17**	**0.14**	**27.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.03**	**0.03**	**-0.8%**	**0.17**	**0.14**	**27.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	24.3	6.53	-12.1	-0.69	-32.1	-1.94
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-24.4	-5.11	11.8	-49.2	-40.1	2.24
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.38	-3.34	-0.04	50.9	72.4	-0.04
Tiền đầu kỳ	1.80	3.11	1.18	0.78	1.80	2.05
Lưu chuyển tiền thuần	**1.31**	**-1.93**	**-0.40**	**1.01**	**0.25**	**0.25**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.11	1.18	0.78	1.80	2.05	2.30

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**398**	**267**	**49.2%**
Tài sản ngắn hạn	334	202	65.3%
Tiền và tương đương tiền	2.30	0.78	193%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	123	0	
Phải thu ngắn hạn	206	199	3.5%
Hàng tồn kho	1.85	1.85	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.07	-55.3%
Tài sản dài hạn	**64.1**	**64.8**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.59	0.70	-15.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	62.7	62.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.82**	**1.36**	**-39.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	262	131	100%
Nợ ngắn hạn	**261**	**129**	**101%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	224	100	123%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.7	12.8	84.6%
Nợ dài hạn	1.46	1.58	-7.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.46	1.58	-7.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**136**	**136**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**136**	**136**	**0.1%**
Vốn điều lệ	135	135	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)